

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bán lẻ, bất động sản KCN với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DXG, FMC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải lệnh bán hạ tỷ trọng danh mục khi chỉ số tiến lên vùng cản đã đề cập

02/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,216.36	+0.57
VN30	1,247.21	+0.54
HĐTL VN30F1M	1,242.40	+0.81
HNXIndex	227.49	+0.30
HNX30	488.22	+0.47
UPCoM	89.70	+1.06
USD/VND	25,405	+0.28
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.79	-0
Lãi suất qua đêm (%)	4.44	+4
Dầu (WTI, \$)	79.64	+0.81
Vàng (LME, \$)	2,304.32	-0.66



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,216.36 (+0.57%)
KLGD (triệu CP) 513.8 (+1.5%)
GTGD (triệu US\$) 566.9 (-7.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bán lẻ, bất động sản KCN với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 910.75 tỷ đồng, tập trung tại BWE (+2.26%), MWG (+1.28%), SSI (-1.42%).

HNXIndex 227.49 (+0.30%)
KLGD (triệu CP) 47.2 (-32.4%)
GTGD (triệu US\$) 38.3 (-19.9%)

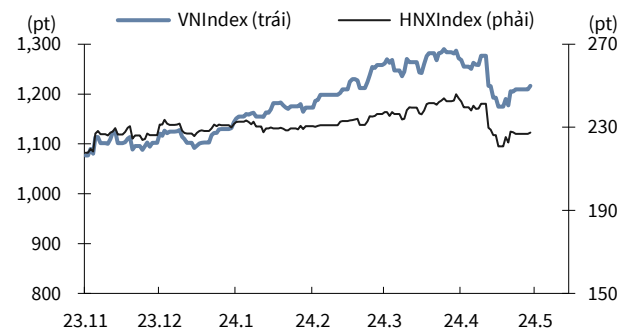
Theo GSO, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 4/2024 ước đạt 522.1 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở MSN (+1.19%), VRE (+1.34%).

UPCoM 89.70 (+1.06%)
KLGD (triệu CP) 22.9 (-35.9%)
GTGD (triệu US\$) 11.8 (+13.1%)

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam bốn tháng đầu năm 2024 ước đạt 6.28 tỷ USD, tăng 7.4% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu nhóm BĐS-KCN tăng giá ở IDC (+4.98%), SIP (+2.96%).

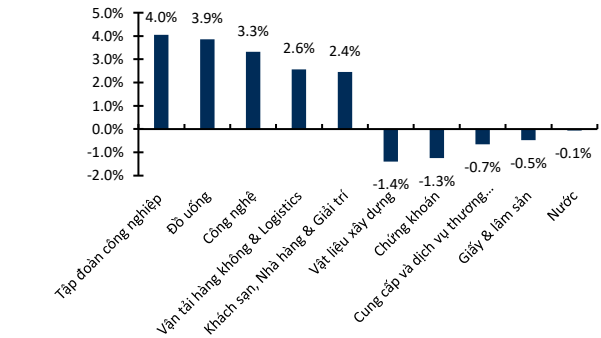
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -37.4

VNIndex & HNXIndex



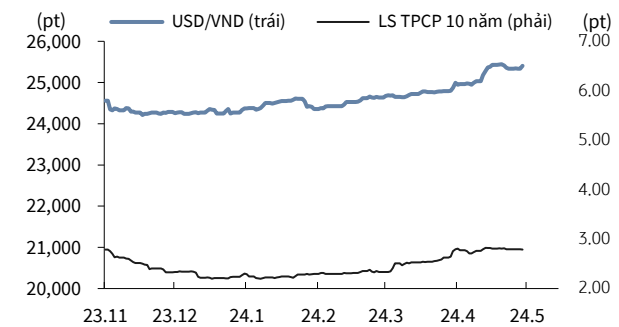
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



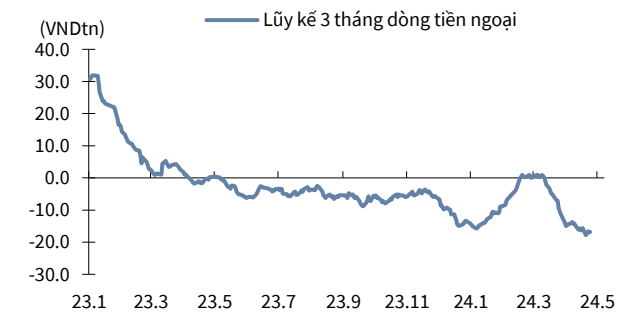
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

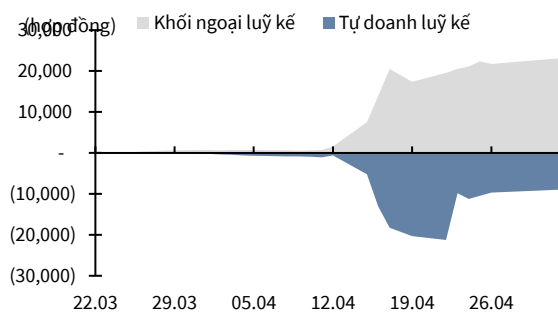
VN30	1,247.21 (+0.54%)
VN30F1M	1,242.4 (+0.81%)
Mở cửa	1,230.2
Cao nhất	1,242.5
Thấp nhất	1,226.8

KLGD (HĐ) **211,218 (-35.5%)**

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2405 và VN30 mở cửa tại -9 điểm, sau đó biến động quanh mức -6.68 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -4.8 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

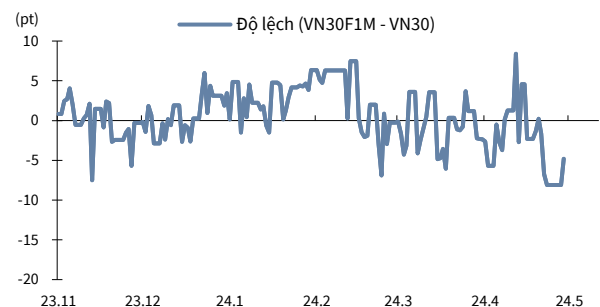
Khối ngoại mua ròng 1,367 HĐTL VN30F2405 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 23,101 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 706 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,996 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



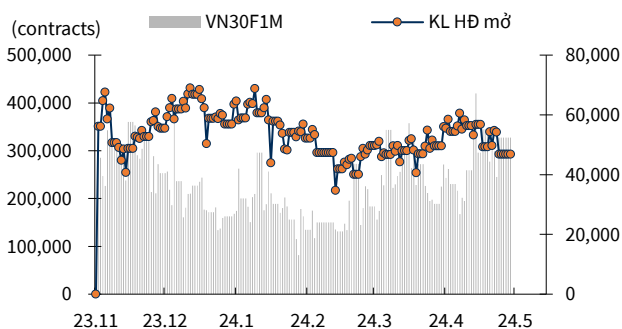
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



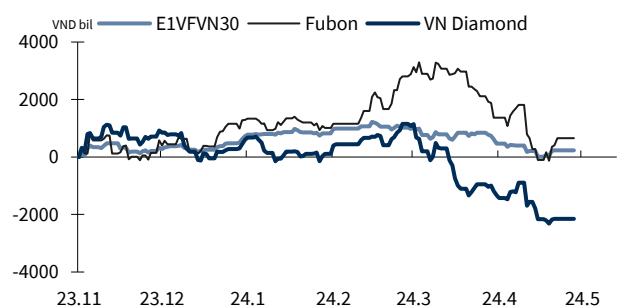
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

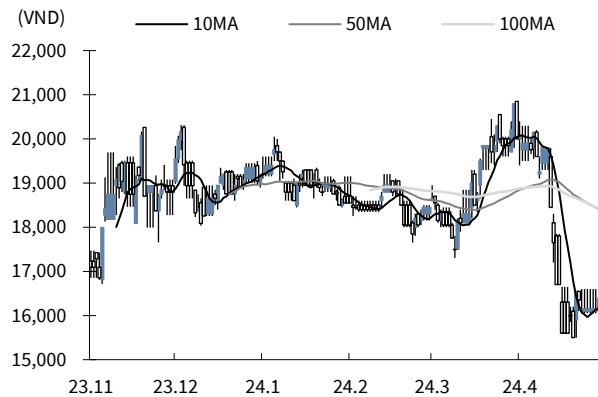
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

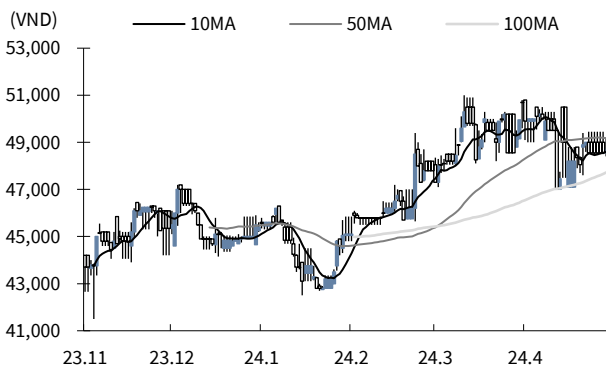
CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG tăng 1.55% lên 16,400 VND/cp
- Theo BCTC Quý 1/2024, CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) mang về 1,065 tỷ đồng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, gấp 2.8 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mảng bán căn hộ và đất nền đạt 821 tỷ đồng, tăng 3 lần; mảng dịch vụ môi giới đạt 189 tỷ đồng, tăng 2.3 lần; mảng dịch vụ quản lý, cho thuê và bất động sản đầu tư đạt 53 tỷ đồng, tăng 43%; duy chỉ mảng xây lắp giảm 95%, đạt 1.4 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này giảm 56% so với cùng kỳ, về mức 8,4 tỷ đồng. Chi phí tài chính giảm 17% còn 125 tỷ đồng; riêng chi phí lãi vay là 115 tỷ đồng, giảm 18%. Chi phí bán hàng ở mức 145 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp 73 tỷ đồng, lần lượt tăng 86% và giảm 22% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC tăng 0.31% lên 48,700 VND/cp
- Kết thúc năm 2023, FMC ghi nhận doanh thu gần 5,100 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 302 tỷ đồng. Như vậy, tỷ lệ chi trả cổ tức 20% tương đương 43,3% lợi nhuận của công ty trong năm qua. Hết Q1/2024, tổng tài sản của FMC đạt 3,503 tỷ đồng, tăng gần 147 tỷ so với đầu năm. Lợi nhuận gộp tăng hơn 16 tỷ so với cùng kỳ, trong đó doanh thu hoạt động tài chính giảm 1 tỷ đồng, chi phí tài chính giảm 2.4 tỷ đồng và chi phí bán hàng tăng hơn 6 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co rung lắc mạnh trong phiên sáng và dần hồi phục trở lại trong phiên chiều với các nhịp tăng điểm gợn đầu biên độ nhỏ.
- Chỉ số có nhịp hồi phục ngay trong phiên tương đối tốt với việc hình thành mẫu nến rút chân và đóng cửa ở mức cao nhất của phiên trước, cho thấy sự chủ động của lực cầu và tâm lý vững chắc hơn của phe cầm hàng. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục, tiếp cận cận trên của vùng cản đang để ngỏ cho VNINDEX nhưng rủi ro đảo chiều tại quanh 1220 (+5) này vẫn cần được lưu ý.
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh bán hạ tỷ trọng danh mục khi chỉ số tiến lên vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1259 - 1262

Kháng cự gần: 1247 - 1250

Hỗ trợ gần: 1229 - 1233

Hỗ trợ xa: 1219 - 1221

— F1 diễn biến giằng co rung lắc mạnh trong phiên sáng và dần hồi phục trở lại trong phiên chiều với các nhịp tăng điểm gợn đầu biên độ nhỏ. Chỉ số có nhịp hồi phục ngay trong phiên trước, cho thấy sự chủ động của phe Long và tâm lý vững chắc hơn của phe cầm hàng. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục, tiếp cận cận trên của vùng cản đang để ngỏ cho F1 nhưng rủi ro đảo chiều tại quanh 1245 (+5) này vẫn cần được lưu ý.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

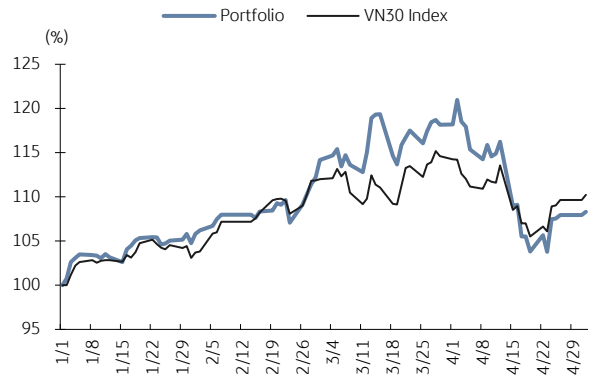
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.54%	0.31%
Tăng lũy kế (YTD)	10.23%	8.29%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	34,700	-1.4%	34.8%	- Hướng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	26,250	1.5%	-7.7%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	91,900	0.8%	-6.4%	- Tín dụng tăng tương bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	30,000	0.0%	-9.5%	- Mảng cao su tự nhiên của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể nhờ sự phục hồi đến từ cả giá và sản lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê lần lượt trong năm nay và năm sau
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	29,550	-0.7%	6.9%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
PV Services (PVS)	01/04/2024	39,300	-1.0%	0.0%	- Mảng M&C và O&M được hưởng lợi nhờ tăng trưởng dài hạn của ngành dầu khí Việt Nam - Tiềm năng ghi nhận thêm backlog từ các dự án điện gió ngoài khơi mới - Tiềm năng trúng các gói thầu FSO/FPSO cho các dự án nội địa sắp tới
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	65,400	0.6%	-3.3%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Viettelpost (VTP)	01/04/2024	77,000	0.5%	-12.3%	- Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ và mở rộng mạng lưới trong và ngoài nước - Thị phần kỳ vọng tăng lên 20% nhờ chất lượng dịch vụ cải thiện và thu hút được các đối tác lớn
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	16,400	1.5%	-16.8%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	96,100	1.2%	6.3%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	1.3%	46.1%	241.9
BID	0.0%	17.3%	54.5
VNM	0.6%	50.9%	44.9
SAB	4.0%	60.4%	34.8
VHM	0.9%	19.7%	24.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BWE	2.3%	16.1%	-514.0
FUESSVFL	-0.5%	89.3%	-129.8
SSI	-1.4%	44.1%	-102.7
CTG	-1.4%	27.3%	-65.2
DIG	-3.4%	5.8%	-60.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	5.0%	21.6%	9.1
LAS	2.7%	2.2%	2.5
TNG	0.5%	22.7%	0.6
TKU	0.7%	8.0%	0.1
LHC	0.0%	16.6%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-1.1%	5.4%	-9.3
MBS	-0.7%	0.7%	-6.7
SHS	-0.6%	9.9%	-4.7
VGS	-1.6%	0.9%	-3.0
PVS	-1.0%	20.0%	-2.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	15.3%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.6%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	8.6%	REE, BCG, PET, EVG
Máy móc	7.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hóa chất	6.8%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-2.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Tiện ích khí	-1.4%	GAS, PGD, PMG
Chứng khoán	-1.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.8%	TNH, JVC, VMD
Sản xuất điện	-0.1%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	12.6%	MWG, FRT, CTF, HAX
Công nghệ	10.7%	FPT, CMG, ELC
Máy móc	4.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng không dân dụng	4.2%	VJC, HVN
Nước	3.8%	BWE, TDM, SII, CLW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-11.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích khí	-8.4%	GAS, PGD, PMG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.3%	TNH, JVC, VMD
Xây dựng và kỹ thuật	-8.3%	DIG, HDG, VCG, PC1
Quản lý & phát triển bất động sản	-8.1%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	157,828 (6.3)	22.5	36.1	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.7	-0.1	5.7	-7.1	-0.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	512,511 (20.4)	26.6	5.3	4.7	35.9	17.2	17.1	0.9	0.8	0.9	-0.7	-4.6	-4.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	171,243 (6.8)	17.8	12.3	11.0	-7.6	10.9	10.8	1.2	1.1	1.3	1.6	-11.0	-2.4
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	618,234 (24.6)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	-2.0	0.3	-14.1	-12.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	118,848 (4.7)	11.6	30.5	23.5	13.7	6.5	8.3	1.9	1.8	0.0	4.6	-8.0	11.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	293,476 (11.7)	13.9	36.8	24.2	-	2.7	3.7	1.1	1.1	1.5	2.5	-21.2	-15.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	116,537 (4.6)	6.3	14.6	12.4	11.7	19.6	19.3	2.6	2.1	0.8	1.4	-2.8	14.4
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	85,064 (3.4)	12.7	13.0	10.7	-5.3	19.1	18.8	2.0	1.7	0.0	-1.8	-5.2	13.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	461,455 (18.3)	0.0	7.5	6.1	14.3	15.8	16.8	1.1	1.0	0.5	3.5	-1.7	47.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	366,995 (14.6)	1.4	8.4	6.5	50.3	17.2	18.6	1.2	1.0	-1.4	0.2	-7.6	19.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	283,424 (11.3)	0.0	10.4	7.8	18.8	9.9	11.8	1.0	0.9	-1.3	0.0	-6.4	-4.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	540,576 (21.5)	0.0	5.2	4.3	14.6	21.8	21.3	1.1	0.9	0.7	-0.9	-9.7	20.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	176,243 (7.0)	4.2	5.3	4.8	23.3	22.9	21.9	1.2	1.0	0.2	5.6	-1.0	16.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	662,403 (26.4)	14.0	5.5	3.7	26.5	20.0	23.5	0.9	0.8	-2.1	-0.2	-8.6	-1.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	153,123 (6.1)	0.0	6.3	5.2	37.4	16.9	17.7	1.0	0.9	-1.4	0.9	-6.4	1.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	149,928 (6.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.1	3.2	-2.5	-3.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,835 (0.5)	21.0	17.0	14.7	15.8	8.1	8.9	1.3	1.2	1.6	1.3	-5.4	1.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,161 (0.1)	14.2	9.4	8.5	9.1	12.5	12.6	1.0	0.9	0.0	0.4	-6.5	7.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	702,087 (27.9)	55.4	19.0	15.8	-3.2	11.4	12.5	1.9	1.8	-1.4	-1.1	-10.8	5.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	326,696 (13.0)	71.9	28.6	21.2	-4.0	13.4	14.2	3.1	3.0	-1.4	-1.9	-13.5	8.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	205,710 (8.2)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-2.6	-0.6	-11.9	10.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	374,209 (14.9)	27.2	17.5	13.1	36.3	10.7	11.8	1.6	1.5	-1.7	0.5	-12.1	-8.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	247,649 (9.9)	42.1	16.9	14.2	4.0	28.4	29.7	4.7	4.8	0.6	2.2	-2.8	-3.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	48,297 (1.9)	36.9	17.1	15.9	7.3	17.5	18.2	3.0	2.8	4.0	6.4	0.4	-10.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	327,203 (13.0)	16.5	56.1	27.0	-51.9	7.2	10.9	3.5	3.6	1.2	1.6	-8.7	1.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	8,631 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	2.3	-5.2	-14.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	96,639 (3.8)	11.0	32.9	19.1	-88.5	12.5	17.6	-	-	-0.1	0.6	0.9	-3.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	143,200 (5.7)	10.8	25.2	20.0	-57.0	13.2	14.6	2.8	2.6	0.0	5.5	5.0	19.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	116,519 (4.6)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	3.4	4.1	-13.3	-3.5
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	55,419 (2.2)	48.0	26.7	21.6	26.2	28.0	28.9	6.2	5.2	2.8	6.3	-7.3	38.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	404,517 (16.1)	37.7	33.5	16.5	-14.4	5.9	7.3	1.5	1.5	2.7	4.2	-17.8	-11.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	79,991 (3.2)	3.6	21.7	14.6	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.6	0.3	5.7	-7.5	-3.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	61,057 (2.4)	0.0	10.9	9.3	-4.5	12.4	13.6	1.3	1.2	4.2	9.0	0.2	13.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	68,894 (2.7)	46.1	15.2	14.2	-17.5	16.7	16.7	2.5	2.3	0.5	-1.5	-10.4	-2.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,523 (0.9)	31.4	-	23.1	-10.5	1.2	8.8	1.8	1.7	4.7	4.2	-9.5	-8.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,003 (0.1)	34.1	6.6	6.0	-5.1	16.4	17.5	-	-	6.7	5.5	4.4	-2.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	559,103 (22.2)	18.0	12.4	9.2	21.9	12.1	15.2	1.4	1.3	-0.2	1.3	-6.7	1.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	87,269 (3.5)	36.5	17.0	15.0	-0.5	7.3	8.3	1.1	1.1	3.0	3.0	-9.1	-2.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	89,714 (3.6)	46.5	11.6	12.7	-4.5	15.0	14.7	1.6	1.6	4.4	4.7	-7.8	-1.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	194,652 (7.7)	38.9	15.0	10.7	67.9	9.3	16.3	1.1	1.0	2.1	-2.0	-18.0	-13.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	35,991 (1.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.3	4.6	-9.8	6.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,246 (1.0)	4.6	14.5	13.7	-51.0	11.1	10.6	1.6	1.5	0.3	3.3	-5.5	3.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	208,627 (8.3)	39.9	16.2	11.2	-11.9	6.3	7.4	1.0	1.0	-0.7	-0.2	-15.3	4.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	85,432 (3.4)	35.9	7.9	6.9	2.2	15.4	15.1	1.1	0.9	3.0	4.9	-5.5	6.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	639,816 (25.4)	0.0	30.9	16.4	14.4	11.6	14.8	3.3	3.0	1.3	14.4	7.8	29.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	147,438 (5.9)	0.0	14.8	12.8	2.4	21.3	21.2	2.9	2.5	1.2	2.9	-2.9	11.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	8,715 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.3	0.1	-12.4	-23.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	121,901 (4.8)	30.3	109.4	39.9	-75.2	19.2	24.6	11.8	9.3	1.9	13.1	7.2	53.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,303 (1.2)	34.6	18.4	13.9	41.2	13.8	18.0	2.3	2.1	2.7	7.0	-9.9	16.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,369 (0.1)	45.4	15.0	14.5	10.7	20.3	20.5	-	-	-0.3	2.3	-1.9	9.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	378,360 (15.0)	0.0	20.6	16.8	15.5	28.1	29.0	4.9	4.1	3.3	15.4	8.8	32.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.